

BÁO CÁO

Giải trình các nội dung liên quan đến hồ sơ dự thảo Nghị quyết về ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Báo cáo thẩm tra số 151/BC-BC-BVHXH ngày 10/9/2024 của Ban Văn hóa – Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra dự thảo Nghị quyết về ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, Ủy ban nhân dân tỉnh giải trình như sau:

1. Về Danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ tỉnh Khánh Hòa ban hành tại Quyết định 546/QĐ-UBND ngày 09/3/2021 còn thiếu, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong cung cấp dịch vụ sự nghiệp công của tỉnh

Căn cứ Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ, ngày 09/3/2021, UBND tỉnh ban hành Quyết định 546/QĐ-UBND ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ tỉnh Khánh Hòa, **gồm 05 lĩnh vực với tổng cộng 23 dịch vụ công**, trong đó chỉ có 05/23 dịch vụ **được chi tiết, cụ thể tên dịch vụ sự nghiệp công theo** tại Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN, cụ thể:

- Lĩnh vực Hoạt động khoa học và công nghệ 07 dịch vụ, trong đó có 02 được chi tiết, cụ thể tên dịch vụ: Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (I.3) và Đánh giá hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập (I.7);

- Lĩnh vực phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ 06 dịch vụ, trong đó có 01 được chi tiết, cụ thể tên dịch vụ: Thẩm định điều kiện hoạt động KH&CN cho các tổ chức KH&CN, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức KH&CN (II.2);

- Lĩnh vực sở hữu trí tuệ 02 dịch vụ, trong đó có 01 được chi tiết, cụ thể tên dịch vụ: Giám định về sở hữu công nghiệp phục vụ quản lý nhà nước (III.2);

- Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng 05 dịch vụ, trong đó có 01 được chi tiết, cụ thể tên dịch vụ: Thông báo và hỏi đáp của Việt Nam về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (IV.1);

- Lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân 03 dịch vụ, chưa chi tiết, cụ thể tên dịch vụ.

Như vậy, còn 18/23 dịch vụ tại Quyết định số 546/QĐ-UBND cần phải sửa đổi, bổ sung chi tiết, cụ thể tên dịch vụ.

Căn cứ điểm b, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, quy định thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục chi tiết dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; Căn cứ khoản 3 Điều 3 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính, quy định dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước: “...Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý của địa phương và phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, gửi Bộ Tài chính và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực để giám sát trong quá trình thực hiện.”

Để tạo sự thống nhất về cơ sở pháp lý cho việc lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh theo các hình thức giao, đặt hàng và đấu thầu thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh, đề xuất ban hành Nghị quyết Danh mục chi tiết các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, gồm **06 nhóm lĩnh vực chia thành 26 dịch vụ chung với tổng cộng 58 dịch vụ chi tiết** nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong cung cấp dịch vụ sự nghiệp công của tỉnh cũng như thực hiện các nhiệm vụ theo vai trò, chức năng quản lý nhà nước của Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định hiện hành.

2. Bổ sung, làm rõ thẩm quyền tổ chức thực hiện của 58 dịch vụ chi tiết sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh (được xây dựng trên cơ sở nội dung Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ).

Sau khi được Hội đồng nhân dân ban hành *Nghị quyết về ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa*, căn cứ Điều 37 tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Điều 21 Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quy trình xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà

nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; UBND tỉnh sẽ chỉ đạo, giao cơ quan chuyên môn thực hiện bãi bỏ Quyết định số 546/QĐ-UBND; đồng thời tham mưu UBND tỉnh các Quyết định:

- Xây dựng và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh;

- Kiểm tra, thanh tra theo thẩm quyền việc xây dựng, áp dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là báo cáo giải trình các nội dung liên quan đến hồ sơ dự thảo Nghị quyết về ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, UBND tỉnh kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(*Gửi kèm dự thảo Nghị quyết*)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực UBND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh (báo cáo);
- Các ban HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT, CNG, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hữu Hoàng

PHỤ LỤC

**Thuyết minh chi tiết danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước
trong lĩnh vực KH&CN trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

(Kèm theo Báo cáo số.../BC-UBND ngày 12 / 9 /2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	Tên các Dịch vụ theo Quyết định 2009/QĐ-TTg	NSNN bảo đảm toàn bộ chi phí thực hiện dịch vụ	NSNN bảo đảm phần chi phí thực hiện dịch vụ chưa tính vào giá theo lộ trình tính giá	Chi tiết dịch vụ sự nghiệp công theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN		Đối chiếu, so sánh với Quyết định số 546/QĐ-UBND			Đề xuất HĐND phê duyệt danh mục
				TT	Tên dịch vụ sự nghiệp công	Đã chi tiết tên dịch vụ sự nghiệp công	Chưa chi tiết tên dịch vụ sự nghiệp công	Chưa có tại Quyết định số 546/QĐ-UBND	
I	DỊCH VỤ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (KH&CN)								
I.1	Công bố, xuất bản, truyền thông, khai thác, ứng dụng nhiệm vụ KH&CN và phát triển công nghệ.	X		1	Công bố, xuất bản, in, phát hành các ấn phẩm về khoa học, kỹ thuật và công nghệ, kinh tế		X		X
		X		2	Thông tin, phổ biến kiến thức về khoa học và công nghệ		X		X
		X		3	Dịch vụ thông tin, truyền thông (sản xuất phim, phóng sự, tin, bài), phổ biến kiến thức, triển lãm, hội chợ công nghệ, tổ chức sự kiện, hội chợ sách về khoa học và công nghệ		X		X
		X		4	Cung cấp thông tin KH&CN, thông tin thống kê KH&CN, chỉ số Đổi mới sáng tạo (ĐMST) phục vụ lãnh đạo, quản lý.		X		X
		X		5	Thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin nhiệm vụ KH&CN của tỉnh.		X		X

STT	Tên các Dịch vụ theo Quyết định 2009/QĐ-TTg	NSNN bảo đảm toàn bộ chi phí thực hiện dịch vụ	NSNN bảo đảm phần chi phí thực hiện dịch vụ chưa tính vào giá theo lộ trình tính giá	Chi tiết dịch vụ sự nghiệp công theo Thông tư số 21/2019/TT-BKH&CN		Đối chiếu, so sánh với Quyết định số 546/QĐ-UBND			Đề xuất HĐND phê duyệt danh mục
				TT	Tên dịch vụ sự nghiệp công	Đã chi tiết tên dịch vụ sự nghiệp công	Chưa chi tiết tên dịch vụ sự nghiệp công	Chưa có tại Quyết định số 546/QĐ-UBND	
		X		6	Tổ chức hội nghị tập huấn, hội thảo khoa học, triển lãm giới thiệu, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật công nghệ, kết quả ứng dụng KH&CN.		X		X
		X		7	Tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho các tổ chức, cá nhân trong nghiên cứu đổi mới công nghệ.		X		X
I.2	Thẩm định cấp chứng nhận hoạt động ứng dụng, nghiên cứu phát triển công nghệ cao, cơ sở vòm tạo công nghệ cao, vòm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, công nhận	X		8	Thẩm định cấp chứng nhận doanh nghiệp KH&CN.		X		X

STT	Tên các Dịch vụ theo Quyết định 2009/QĐ-TTg	NSNN bảo đảm toàn bộ chi phí thực hiện dịch vụ	NSNN bảo đảm phần chi phí thực hiện dịch vụ chưa tính vào giá theo lộ trình tính giá	Chi tiết dịch vụ sự nghiệp công theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN		Đối chiếu, so sánh với Quyết định số 546/QĐ-UBND			Đề xuất HĐND phê duyệt danh mục
				TT	Tên dịch vụ sự nghiệp công	Đã chi tiết tên dịch vụ sự nghiệp công	Chưa chi tiết tên dịch vụ sự nghiệp công	Chưa có tại Quyết định số 546/QĐ-UBND	
	<i>doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học công nghệ</i>								
I.3	<i>Dịch vụ hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:</i>					X			
	<i>Cung cấp chuyên gia trong nước, quốc tế tư vấn, cung cấp dịch vụ cho khởi nghiệp đổi</i>		X	9	Cung cấp chuyên gia trong nước, quốc tế tư vấn, cung cấp dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (KHĐMST).				X

STT	Tên các Dịch vụ theo Quyết định 2009/QĐ-TTg	NSNN bảo đảm toàn bộ chi phí thực hiện dịch vụ	NSNN bảo đảm phần chi phí thực hiện dịch vụ chưa tính vào giá theo lộ trình tính giá	Chi tiết dịch vụ sự nghiệp công theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN		Đối chiếu, so sánh với Quyết định số 546/QĐ-UBND			Đề xuất HĐND phê duyệt danh mục
				TT	Tên dịch vụ sự nghiệp công	Đã chi tiết tên dịch vụ sự nghiệp công	Chưa chi tiết tên dịch vụ sự nghiệp công	Chưa có tại Quyết định số 546/QĐ-UBND	
	<i>mới sáng tạo.</i>								
	<i>Cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp KNĐMST (pháp lý, tài chính, sở hữu trí tuệ, thông tin công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, và các dịch vụ khác).</i>		X	10	Cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp KNĐMST (pháp lý, tài chính, sở hữu trí tuệ, thông tin công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, và các dịch vụ khác).				X
	<i>Cung cấp không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực</i>		X	11	Cung cấp không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến, hỗ trợ kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ cho doanh nghiệp KNĐMST.				X

STT	Tên các Dịch vụ theo Quyết định 2009/QĐ-TTg	NSNN bảo đảm toàn bộ chi phí thực hiện dịch vụ	NSNN bảo đảm phần chi phí thực hiện dịch vụ chưa tính vào giá theo lộ trình tính giá	Chi tiết dịch vụ sự nghiệp công theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN		Đối chiếu, so sánh với Quyết định số 546/QĐ-UBND			Đề xuất HĐND phê duyệt danh mục
				TT	Tên dịch vụ sự nghiệp công	Đã chi tiết tên dịch vụ sự nghiệp công	Chưa chi tiết tên dịch vụ sự nghiệp công	Chưa có tại Quyết định số 546/QĐ-UBND	
	<i>tuyên, hỗ trợ kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ cho doanh nghiệp KNĐMST.</i>								
	<i>Cung cấp dịch vụ ương tạo, dịch vụ đào tạo tập trung cho doanh nghiệp KNĐMST.</i>		X	12	Cung cấp dịch vụ ương tạo, dịch vụ đào tạo tập trung cho doanh nghiệp KNĐMST.				X

STT	Tên các Dịch vụ theo Quyết định 2009/QĐ-TTg	NSNN bảo đảm toàn bộ chi phí thực hiện dịch vụ	NSNN bảo đảm phần chi phí thực hiện dịch vụ chưa tính vào giá theo lộ trình tính giá	Chi tiết dịch vụ sự nghiệp công theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN		Đối chiếu, so sánh với Quyết định số 546/QĐ-UBND			Đề xuất HĐND phê duyệt danh mục
				TT	Tên dịch vụ sự nghiệp công	Đã chi tiết tên dịch vụ sự nghiệp công	Chưa chi tiết tên dịch vụ sự nghiệp công	Chưa có tại Quyết định số 546/QĐ-UBND	
	<i>Thẩm định năng lực, hiệu quả hoạt động của vườn ươm, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, huấn luyện viên khởi nghiệp.</i>		X	13	Thẩm định năng lực, hiệu quả hoạt động của vườn ươm, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, huấn luyện viên khởi nghiệp.				X
I.4	<i>Môi giới, xúc tiến, tư vấn và dịch vụ khác phục vụ chuyển giao công nghệ.</i>		X	14	Tư vấn đánh giá năng lực công nghệ trong các lĩnh vực, ngành kinh tế, hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ.		X		X
			X	15	Dịch vụ đánh giá, tiếp nhận công nghệ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.		X		X
			X	16	Dịch vụ hỗ trợ chuyển giao công nghệ.		X		X

STT	Tên các Dịch vụ theo Quyết định 2009/QĐ-TTg	NSNN bảo đảm toàn bộ chi phí thực hiện dịch vụ	NSNN bảo đảm phần chi phí thực hiện dịch vụ chưa tính vào giá theo lộ trình tính giá	Chi tiết dịch vụ sự nghiệp công theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN		Đối chiếu, so sánh với Quyết định số 546/QĐ-UBND			Đề xuất HĐND phê duyệt danh mục
				TT	Tên dịch vụ sự nghiệp công	Đã chi tiết tên dịch vụ sự nghiệp công	Chưa chi tiết tên dịch vụ sự nghiệp công	Chưa có tại Quyết định số 546/QĐ-UBND	
I.6	<i>Thẩm định cơ sở khoa học của phát triển kinh tế - xã hội; Thẩm định công nghệ các dự án đầu tư; Thẩm định quy hoạch ngành, lĩnh vực; Thẩm định nhiệm vụ KH&CN</i>	X		17	Thẩm định về mặt khoa học xã hội các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội theo yêu cầu của Lãnh đạo tỉnh, ngành, địa phương và doanh nghiệp.		X		X
		X		18	Thẩm định công nghệ các dự án đầu tư.		X		X
		X		19	Thẩm định quy hoạch ngành, lĩnh vực.		X		X
		X		20	Thẩm định nhiệm vụ KH&CN (thẩm định công nhận kết quả nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước cho các tổ chức, đơn vị).		X		X
I.7	<i>Đánh giá hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập.</i>		X	21	Đánh giá hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập.	X			X

STT	Tên các Dịch vụ theo Quyết định 2009/QĐ-TTg	NSNN bảo đảm toàn bộ chi phí thực hiện dịch vụ	NSNN bảo đảm phần chi phí thực hiện dịch vụ chưa tính vào giá theo lộ trình tính giá	Chi tiết dịch vụ sự nghiệp công theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN		Đối chiếu, so sánh với Quyết định số 546/QĐ-UBND			Đề xuất HĐND phê duyệt danh mục
				TT	Tên dịch vụ sự nghiệp công	Đã chi tiết tên dịch vụ sự nghiệp công	Chưa chi tiết tên dịch vụ sự nghiệp công	Chưa có tại Quyết định số 546/QĐ-UBND	
II	PHÁT TRIỂN TIỀM LỰC KH&CN								
II.2	<i>Thẩm định điều kiện hoạt động KH&CN cho các tổ chức KH&CN, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức KH&CN.</i>	X		22	Thẩm định điều kiện hoạt động KH&CN cho các tổ chức KH&CN, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức KH&CN.	X			X
II.3	<i>Xây dựng và quản trị hạ tầng thông tin, quản trị</i>	X		23	Xây dựng và quản trị hạ tầng công nghệ thông tin KH&CN.		X		X
		X		24	Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin và truyền thông KH&CN.		X		X

STT	Tên các Dịch vụ theo Quyết định 2009/QĐ-TTg	NSNN bảo đảm toàn bộ chi phí thực hiện dịch vụ	NSNN bảo đảm phần chi phí thực hiện dịch vụ chưa tính vào giá theo lộ trình tính giá	Chi tiết dịch vụ sự nghiệp công theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN		Đối chiếu, so sánh với Quyết định số 546/QĐ-UBND			Đề xuất HĐND phê duyệt danh mục
				TT	Tên dịch vụ sự nghiệp công	Đã chi tiết tên dịch vụ sự nghiệp công	Chưa chi tiết tên dịch vụ sự nghiệp công	Chưa có tại Quyết định số 546/QĐ-UBND	
	<i>hạ tầng công nghệ thông tin KH&CN</i>	X		25	Xây dựng, cập nhật, cung cấp thông tin, khai thác dữ liệu về hồ sơ công nghệ, chuyên gia công nghệ, danh mục công nghệ, nhiệm vụ KH&CN, công bố KH&CN Việt Nam, tổ chức KH&CN, nhân lực nghiên cứu và phát triển KH&CN.		X		X
II.4	<i>Tổ chức các chợ công nghệ và thiết bị, hoạt động trình diễn, kết nối cung - cầu công nghệ, các trung tâm giao dịch công nghệ, triển lãm KH&CN, tổ chức các sự kiện, hội nghị kêu gọi</i>		X	26	Tổ chức triển lãm thành tựu KH&CN.		X		X
			X	27	Tổ chức hội chợ công nghệ và thiết bị (Techmart).		X		X
			X	28	Tổ chức hoạt động trình diễn, kết nối cung - cầu công nghệ.		X		X
			X	29	Tổ chức sự kiện, hội nghị kêu gọi vốn đầu tư cho KNĐMST.		X		X

STT	Tên các Dịch vụ theo Quyết định 2009/QĐ-TTg	NSNN bảo đảm toàn bộ chi phí thực hiện dịch vụ	NSNN bảo đảm phần chi phí thực hiện dịch vụ chưa tính vào giá theo lộ trình tính giá	Chi tiết dịch vụ sự nghiệp công theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN		Đối chiếu, so sánh với Quyết định số 546/QĐ-UBND			Đề xuất HĐND phê duyệt danh mục
				TT	Tên dịch vụ sự nghiệp công	Đã chi tiết tên dịch vụ sự nghiệp công	Chưa chi tiết tên dịch vụ sự nghiệp công	Chưa có tại Quyết định số 546/QĐ-UBND	
	<i>vốn đầu tư cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo</i>								
II.5	<i>Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin và truyền thông KH&CN. Xây dựng, duy trì và phát triển Cổng thông tin KH&CN. Hoạt động thư viện, thống kê trong lĩnh vực KH&CN.</i>	X		30	Xây dựng và phát triển công thông tin điện tử: (Sở KH&CN Khánh Hòa; Cổng thông tin điện tử KNĐMST Khánh Hòa; Cổng thông tin điện tử Tam nông Khánh Hòa).		X		X
		X		31	Hoạt động thống kê KH&CN.		X		X
		X		32	Điều tra thống kê KH&CN.		X		X
		X		33	Cập nhật cơ sở dữ liệu chuyên ngành KH&CN.		X		X
		X		34	Khai thác, tra cứu, cung cấp thông tin từ cơ sở dữ liệu Quốc gia về KH&CN.		X		X

STT	Tên các Dịch vụ theo Quyết định 2009/QĐ-TTg	NSNN bảo đảm toàn bộ chi phí thực hiện dịch vụ	NSNN bảo đảm phần chi phí thực hiện dịch vụ chưa tính vào giá theo lộ trình tính giá	Chi tiết dịch vụ sự nghiệp công theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN		Đối chiếu, so sánh với Quyết định số 546/QĐ-UBND			Đề xuất HĐND phê duyệt danh mục
				TT	Tên dịch vụ sự nghiệp công	Đã chi tiết tên dịch vụ sự nghiệp công	Chưa chi tiết tên dịch vụ sự nghiệp công	Chưa có tại Quyết định số 546/QĐ-UBND	
	<i>Duy trì phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN</i>								
II.6	<i>Thông tin, truyền thông trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân.</i>	X		35	Tập huấn, tuyên truyền về sở hữu trí tuệ, bức xạ hạt nhân, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Mã số mã vạch, Truy xuất nguồn gốc và năng suất chất lượng.		X		X

STT	Tên các Dịch vụ theo Quyết định 2009/QĐ-TTg	NSNN bảo đảm toàn bộ chi phí thực hiện dịch vụ	NSNN bảo đảm phân chi phí thực hiện dịch vụ chưa tính vào giá theo lộ trình tính giá	Chi tiết dịch vụ sự nghiệp công theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN		Đối chiếu, so sánh với Quyết định số 546/QĐ-UBND			Đề xuất HĐND phê duyệt danh mục
				TT	Tên dịch vụ sự nghiệp công	Đã chi tiết tên dịch vụ sự nghiệp công	Chưa chi tiết tên dịch vụ sự nghiệp công	Chưa có tại Quyết định số 546/QĐ-UBND	
	ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG								
IV.1	<i>Xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật</i>	X		38	Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương.		X		X
		X		39	Hướng dẫn, xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở.		X		X
		X		40	Phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn Quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài.		X		X
IV.2	<i>Thông báo và hỏi đáp của Việt Nam về hàng rào về kỹ thuật trong thương mại</i>	X		41	Thông báo và hỏi đáp của Việt Nam về hàng rào về kỹ thuật trong thương mại	X			X
IV.3	<i>Hoạt động về nhãn hàng hóa,</i>		X	42	Tư vấn, hướng dẫn hoạt động về nhãn hàng hóa, mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc.		X		X

STT	Tên các Dịch vụ theo Quyết định 2009/QĐ-TTg	NSNN bảo đảm toàn bộ chi phí thực hiện dịch vụ	NSNN bảo đảm phần chi phí thực hiện dịch vụ chưa tính vào giá theo lộ trình tính giá	Chi tiết dịch vụ sự nghiệp công theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN		Đối chiếu, so sánh với Quyết định số 546/QĐ-UBND			Đề xuất HĐND phê duyệt danh mục
				TT	Tên dịch vụ sự nghiệp công	Đã chi tiết tên dịch vụ sự nghiệp công	Chưa chi tiết tên dịch vụ sự nghiệp công	Chưa có tại Quyết định số 546/QĐ-UBND	
	<i>mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc.</i>								
IV.4	<i>Thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường</i>	X		43	Thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường.		X		X
IV.5	<i>Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.</i>		X	44	Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.		X		X
IV.6	<i>Đánh giá sự phù hợp (chứng nhận, kiểm</i>		X	45	Đánh giá sự phù hợp (chứng nhận, kiểm định, thử nghiệm và giám định) về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.		X		X

STT	Tên các Dịch vụ theo Quyết định 2009/QĐ-TTg	NSNN bảo đảm toàn bộ chi phí thực hiện dịch vụ	NSNN bảo đảm phần chi phí thực hiện dịch vụ chưa tính vào giá theo lộ trình tính giá	Chi tiết dịch vụ sự nghiệp công theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN		Đối chiếu, so sánh với Quyết định số 546/QĐ-UBND			Đề xuất HĐND phê duyệt danh mục
				TT	Tên dịch vụ sự nghiệp công	Đã chi tiết tên dịch vụ sự nghiệp công	Chưa chi tiết tên dịch vụ sự nghiệp công	Chưa có tại Quyết định số 546/QĐ-UBND	
	<i>định, thử nghiệm và giám định) về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.</i>								
IV.7	<i>Tư vấn, đầu tư nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa.</i>		X	46	Tư vấn nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa.		X		X
IV.8	<i>Xây dựng và tư vấn áp dụng hệ thống quản lý chất lượng</i>		X	47	Tư vấn, xây dựng, hướng dẫn áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong hoạt động của cơ quan nhà nước.		X		X

STT	Tên các Dịch vụ theo Quyết định 2009/QĐ-TTg	NSNN bảo đảm toàn bộ chi phí thực hiện dịch vụ	NSNN bảo đảm phần chi phí thực hiện dịch vụ chưa tính vào giá theo lộ trình tính giá	Chi tiết dịch vụ sự nghiệp công theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCHN		Đối chiếu, so sánh với Quyết định số 546/QĐ-UBND			Đề xuất HĐND phê duyệt danh mục
				TT	Tên dịch vụ sự nghiệp công	Đã chi tiết tên dịch vụ sự nghiệp công	Chưa chi tiết tên dịch vụ sự nghiệp công	Chưa có tại Quyết định số 546/QĐ-UBND	
	<i>tiên tiến trong hoạt động của cơ quan nhà nước.</i>								
IV.9	<i>Tổ chức Giải thưởng chất lượng quốc gia.</i>	X		48	Tư vấn, xây dựng, hướng dẫn hồ sơ tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia.		X		X
V	LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN								
V.1	<i>Quan trắc và cảnh báo</i>	X		49	Quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường địa phương. Thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống phòng		X		X

STT	Tên các Dịch vụ theo Quyết định 2009/QĐ-TTg	NSNN bảo đảm toàn bộ chi phí thực hiện dịch vụ	NSNN bảo đảm phân chi phí thực hiện dịch vụ chưa tính vào giá theo lộ trình tính giá	Chi tiết dịch vụ sự nghiệp công theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN		Đối chiếu, so sánh với Quyết định số 546/QĐ-UBND			Đề xuất HĐND phê duyệt danh mục
				TT	Tên dịch vụ sự nghiệp công	Đã chi tiết tên dịch vụ sự nghiệp công	Chưa chi tiết tên dịch vụ sự nghiệp công	Chưa có tại Quyết định số 546/QĐ-UBND	
	NGHIỆP VỤ TRONG LĨNH VỰC KH&CN								
VI.1	<i>Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN theo các chương trình, đề án, kế hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.</i>	X		51	Đào tạo chuyên gia tư vấn Hệ thống Quản lý chất lượng, Giải thưởng chất lượng quốc gia, Năng suất chất lượng, Mã số mã vạch, Truy xuất nguồn gốc và hoạt động đo lường theo các Kế hoạch đã được phê duyệt.			X	X
		X		52	Đào tạo chuyên gia lấy mẫu chất lượng sản phẩm hàng hóa.			X	X
		X		53	Đào tạo nhân lực cho Hệ sinh thái KNĐMST.			X	X
		X		54	Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực về truyền thông KH&CN.			X	X
		X		55	Tổ chức tư vấn và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về hoạt động thông tin KHCN.			X	X
		X		56	Tổ chức tư vấn và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về hoạt động thống kê KHCN.			X	X

STT	Tên các Dịch vụ theo Quyết định 2009/QĐ-TTg	NSNN bảo đảm toàn bộ chi phí thực hiện dịch vụ	NSNN bảo đảm phần chi phí thực hiện dịch vụ chưa tính vào giá theo lộ trình tính giá	Chi tiết dịch vụ sự nghiệp công theo Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN		Đối chiếu, so sánh với Quyết định số 546/QĐ-UBND			Đề xuất HĐND phê duyệt danh mục
				TT	Tên dịch vụ sự nghiệp công	Đã chi tiết tên dịch vụ sự nghiệp công	Chưa chi tiết tên dịch vụ sự nghiệp công	Chưa có tại Quyết định số 546/QĐ-UBND	
VI.2	<i>Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý KH&CN</i>		X	57	Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước về KH&CN cho cán bộ quản lý KH&CN tại các huyện, thành, thị và các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh.			X	X
VI.3	<i>Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành KH&CN.</i>		X	58	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành KH&CN.			X	X

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 2099/QĐ-TTg ngày 27/12/2017 về việc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 21/2019/TT-BKHCN ngày 18/12/2019 của Bộ KH&CN Quy định quy trình xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-BKTNS ngày tháng năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; tiếp thu, giải trình của UBND tỉnh tại Công văn số /UBND- ngày tháng năm 2024 và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà

nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (đính kèm danh mục chi tiết).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VII nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh (2 bản);
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.....

CHỦ TỊCH

**DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

STT	Tên dịch vụ theo Quyết định 2099/QĐ-TTg	NSNN đảm bảo toàn bộ chi phí thực hiện	NSNN đảm bảo phần chi phí thực hiện dịch vụ chưa tính vào giá theo lộ trình tính giá	Chi tiết dịch vụ sự nghiệp công	
				STT	Tên dịch vụ sự nghiệp công
I	DỊCH VỤ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (KH&CN)				
<i>I.1</i>	<i>Công bố, xuất bản, truyền thông, khai thác, ứng dụng nhiệm vụ KH&CN và phát triển công nghệ.</i>	X		1	Công bố, xuất bản, in, phát hành các ấn phẩm về khoa học, kỹ thuật và công nghệ, kinh tế
		X		2	Thông tin, phổ biến kiến thức về khoa học và công nghệ
		X		3	Dịch vụ thông tin, truyền thông (sản xuất phim, phóng sự, tin, bài), phổ biến kiến thức, triển lãm, hội chợ công nghệ, tổ chức sự kiện, hội chợ sách về khoa học và công nghệ
		X		4	Cung cấp thông tin KH&CN, thông tin thống kê KH&CN, chỉ số Đổi mới sáng tạo (ĐMST) phục vụ lãnh đạo, quản lý.
		X		5	Thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin nhiệm vụ KH&CN của tỉnh.

		X		6	Tổ chức hội nghị tập huấn, hội thảo khoa học, triển lãm giới thiệu, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật công nghệ, kết quả ứng dụng KH&CN.
		X		7	Tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho các tổ chức, cá nhân trong nghiên cứu đổi mới công nghệ.
I.2	<i>Thẩm định cấp chứng nhận hoạt động ứng dụng, nghiên cứu phát triển công nghệ cao, cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, công nhận doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học công nghệ</i>	X		8	Thẩm định cấp chứng nhận doanh nghiệp KH&CN.
	<i>Dịch vụ hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo:</i>				
I.3	<i>Cung cấp chuyên gia trong nước, quốc tế tư vấn, cung cấp dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.</i>		X	9	Cung cấp chuyên gia trong nước, quốc tế tư vấn, cung cấp dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (KHĐMST).
	<i>Cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp KNĐMST (pháp lý, tài chính, sở hữu trí tuệ, thông tin công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, và các dịch vụ khác).</i>		X	10	Cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp KNĐMST (pháp lý, tài chính, sở hữu trí tuệ, thông tin công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, và các dịch vụ khác).

	<i>Cung cấp không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến, hỗ trợ kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ cho doanh nghiệp KNĐMST.</i>		X	11	Cung cấp không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến, hỗ trợ kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ cho doanh nghiệp KNĐMST.
	<i>Cung cấp dịch vụ ươm tạo, dịch vụ đào tạo tập trung cho doanh nghiệp KNĐMST.</i>		X	12	Cung cấp dịch vụ ươm tạo, dịch vụ đào tạo tập trung cho doanh nghiệp KNĐMST.
	<i>Thẩm định năng lực, hiệu quả hoạt động của vườn ươm, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, huấn luyện viên khởi nghiệp.</i>		X	13	Thẩm định năng lực, hiệu quả hoạt động của vườn ươm, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, huấn luyện viên khởi nghiệp.
I.4	<i>Môi giới, xúc tiến, tư vấn và dịch vụ khác phục vụ chuyển giao công nghệ.</i>		X	14	Tư vấn đánh giá năng lực công nghệ trong các lĩnh vực, ngành kinh tế, hỗ trợ xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ.
			X	15	Dịch vụ đánh giá, tiếp nhận công nghệ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.
			X	16	Dịch vụ hỗ trợ chuyển giao công nghệ.
I.6	<i>Thẩm định cơ sở khoa học của phát triển kinh tế - xã hội; Thẩm định công nghệ các dự án đầu tư; Thẩm định</i>	X		17	Thẩm định về mặt khoa học xã hội các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội theo yêu cầu của Lãnh đạo tỉnh, ngành, địa phương và doanh nghiệp.

	<i>quy hoạch ngành, lĩnh vực; Thẩm định nhiệm vụ KH&CN</i>	X		18	Thẩm định công nghệ các dự án đầu tư.
		X		19	Thẩm định quy hoạch ngành, lĩnh vực.
		X		20	Thẩm định nhiệm vụ KH&CN (thẩm định công nhận kết quả nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước cho các tổ chức, đơn vị).
I.7	<i>Đánh giá hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập.</i>		X	21	Đánh giá hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập.
II	PHÁT TRIỂN TIỀM LỰC KH&CN				
II.2	<i>Thẩm định điều kiện hoạt động KH&CN cho các tổ chức KH&CN, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức KH&CN.</i>	X		22	Thẩm định điều kiện hoạt động KH&CN cho các tổ chức KH&CN, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức KH&CN.
II.3	<i>Xây dựng và quản trị hạ tầng thông tin, quản trị hạ tầng công nghệ thông tin KH&CN</i>	X		23	Xây dựng và quản trị hạ tầng công nghệ thông tin KH&CN.
		X		24	Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin và truyền thông KH&CN.
		X		25	Xây dựng, cập nhật, cung cấp thông tin, khai thác dữ liệu về hồ sơ công nghệ, chuyên gia công nghệ, danh mục công nghệ, nhiệm vụ KH&CN, công bố KH&CN Việt Nam, tổ chức KH&CN, nhân lực nghiên cứu và phát triển KH&CN.
II.4	<i>Tổ chức các chợ công nghệ và thiết bị, hoạt động trình</i>		X	26	Tổ chức triển lãm thành tựu KH&CN.
			X	27	Tổ chức hội chợ công nghệ và thiết bị (Techmart).

	<i>diễn, kết nối cung - cầu công nghệ, các trung tâm giao dịch công nghệ, triển lãm KH&CN, tổ chức các sự kiện, hội nghị kêu gọi vốn đầu tư cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo</i>		X	28	Tổ chức hoạt động trình diễn, kết nối cung - cầu công nghệ.
			X	29	Tổ chức sự kiện, hội nghị kêu gọi vốn đầu tư cho KNĐMST.
II.5	<i>Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin và truyền thông KH&CN. Xây dựng, duy trì và phát triển Cổng thông tin KH&CN. Hoạt động thư viện, thống kê trong lĩnh vực KH&CN. Duy trì phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN</i>	X		30	Xây dựng và phát triển cổng thông tin điện tử: (Sở KH&CN Khánh Hòa; Cổng thông tin điện tử KNĐMST Khánh Hòa; Cổng thông tin điện tử Tam nông Khánh Hòa).
		X		31	Hoạt động thống kê KH&CN.
		X		32	Điều tra thống kê KH&CN.
		X		33	Cập nhật cơ sở dữ liệu chuyên ngành KH&CN.
		X		34	Khai thác, tra cứu, cung cấp thông tin từ cơ sở dữ liệu Quốc gia về KH&CN.
II.6	<i>Thông tin, truyền thông trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân.</i>	X		35	Tập huấn, tuyên truyền về sở hữu trí tuệ, bức xạ hạt nhân, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Mã số mã vạch, Truy xuất nguồn gốc và năng suất chất lượng.
III	LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ				
III.1	<i>Xác nhận đăng ký quốc tế về sở hữu công nghiệp có hiệu</i>		X	36	Hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong và ngoài nước trên địa bàn tỉnh.

	<i>lực bảo hộ tại Việt Nam</i>				
III.2	<i>Giám định về sở hữu công nghiệp phục vụ quản lý nhà nước.</i>		X	37	Giám định về sở hữu công nghiệp phục vụ quản lý nhà nước.
IV	LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG				
IV.1	<i>Xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật</i>	X		38	Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương.
		X		39	Hướng dẫn, xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở.
		X		40	Phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn Quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài.
IV.2	<i>Thông báo và hỏi đáp của Việt Nam về hàng rào về kỹ thuật trong thương mại</i>	X		41	Thông báo và hỏi đáp của Việt Nam về hàng rào về kỹ thuật trong thương mại
IV.3	<i>Hoạt động về nhãn hàng hóa, mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc.</i>		X	42	Tư vấn, hướng dẫn hoạt động về nhãn hàng hóa, mã số, mã vạch và truy xuất nguồn gốc.
IV.4	<i>Thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường</i>	X		43	Thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường.
IV.5	<i>Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.</i>		X	44	Kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.
IV.6	<i>Đánh giá sự phù hợp (chứng</i>		X	45	Đánh giá sự phù hợp (chứng nhận, kiểm định, thử

	<i>nhận, kiểm định, thử nghiệm và giám định) về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.</i>				nhận, kiểm định, thử nghiệm và giám định) về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.
IV.7	<i>Tư vấn, đầu tư nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa.</i>		X	46	Tư vấn nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa.
IV.8	<i>Xây dựng và tư vấn áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong hoạt động của cơ quan nhà nước.</i>		X	47	Tư vấn, xây dựng, hướng dẫn áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong hoạt động của cơ quan nhà nước.
IV.9	<i>Tổ chức Giải thưởng chất lượng quốc gia.</i>	X		48	Tư vấn, xây dựng, hướng dẫn hồ sơ tham gia Giải thưởng chất lượng quốc gia.
V	LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN TOÀN BỨC XẠ VÀ HẠT NHÂN				
V.1	<i>Quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường địa phương. Thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống phòng chuẩn địa phương trong lĩnh vực đo lường bức xạ và hạt nhân.</i>	X		49	Quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường địa phương. Thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống phòng chuẩn địa phương trong lĩnh vực đo lường bức xạ và hạt nhân.
		X		50	Ứng phó và xử lý sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân cấp tỉnh.
VI	ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CHUYÊN MÔN, KIẾN THỨC, NGHIỆP VỤ				

	TRONG LĨNH VỰC KH&CN				
VI.1	<i>Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN theo các chương trình, đề án, kế hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.</i>	X		51	Đào tạo chuyên gia tư vấn Hệ thống Quản lý chất lượng, Giải thưởng chất lượng quốc gia, Năng suất chất lượng, Mã số mã vạch, Truy xuất nguồn gốc và hoạt động đo lường theo các Kế hoạch đã được phê duyệt.
		X		52	Đào tạo chuyên gia lấy mẫu chất lượng sản phẩm hàng hóa.
		X		53	Đào tạo nhân lực cho Hệ sinh thái KNDMST.
		X		54	Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực về truyền thông KH&CN.
		X		55	Tổ chức tư vấn và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về hoạt động thông tin KH&CN.
		X		56	Tổ chức tư vấn và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về hoạt động thống kê KH&CN.
VI.2	<i>Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý KH&CN</i>		X	57	Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước về KH&CN cho cán bộ quản lý KH&CN tại các huyện, thành, thị và các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh.
VI.3	<i>Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành KH&CN.</i>		X	58	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành KH&CN.